



**CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**  
**VIETNAM REGISTER**

ĐỊA CHỈ: 18 PHẠM HÙNG, HÀ NỘI  
ADDRESS: 18 PHAM HUNG ROAD, HA NOI  
DIỆN THOẠI/ TEL: +84 4 3 7684701  
FAX: +84 4 3 7684779  
EMAIL: vr-id@vr.org.vn  
WEB SITE: www.vr.org.vn

**THÔNG BÁO KỸ THUẬT TÀU BIỂN**  
**TECHNICAL INFORMATION ON SEA-GOING SHIPS**

---

**Ngày 07 tháng 004 năm 2017**

**Số thông báo: 012TI/17TB**

*Nội dung: Văn bản số 1396/ĐKVN-TB ngày 07/042017 của Cục Đăng kiểm Việt Nam về thực hiện kiểm tra tăng cường an toàn, an ninh đối với tàu biển hoạt động tuyến quốc tế nhằm giảm thiểu rủi ro lưu giữ PSC và cướp biển, cướp có vũ trang nhằm vào tàu.*

Kính gửi: Các chủ tàu/ công ty quản lý tàu biển  
Các đơn vị Đăng kiểm tàu biển

Ngày 07/04/2017, Cục Đăng kiểm Việt Nam có Văn bản số 1396/ĐKVN-TB về thực hiện kiểm tra tăng cường an toàn, an ninh đối với tàu biển hoạt động tuyến quốc tế nhằm giảm thiểu rủi ro lưu giữ PSC và cướp biển, cướp có vũ trang nhằm vào tàu (văn bản đính kèm).

Đề nghị các Quý Đơn vị lưu ý triển khai việc thực hiện văn bản nêu trên đối với tàu biển có tổng dung tích từ 500 trở lên hoạt động tuyến quốc tế.

Thông báo kỹ thuật này được nêu trong mục: *Thông báo của VR/ Thông báo kỹ thuật TB* của trang tin điện tử Cục Đăng kiểm Việt Nam: <http://www.vr.org.vn>.

Nếu Quý Đơn vị cần thêm thông tin về vấn đề nêu trên, đề nghị vui lòng liên hệ:

*Cục Đăng kiểm Việt Nam,*

*Phòng Tàu biển (TB)/ Trung tâm Chứng nhận HT QLCL và an toàn (VRQC)*

*Địa chỉ: 18 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội*

*Điện thoại: + 4 37684701 (số máy lẻ: 521/451)*

*Fax: +4 37684720/37684722*

*Thư điện tử: taubien@vr.org.vn/ vrqc2vr.org.vn*

Xin gửi đến các Quý Đơn vị lời chào trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TB, QP, CN, CTB, VRQC, TTTH;
- Các chi cục Đăng kiểm tàu biển;
- Lưu TB./.

Số: 1396/ĐKVN-TB

*Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2017*

V/v: thực hiện kiểm tra tăng cường an toàn, an ninh đối với tàu biển hoạt động tuyến quốc tế nhằm giảm thiểu rủi ro lưu giữ PSC và cướp biển, cướp có vũ trang nhằm vào tàu.

Kính gửi:

- Các công ty vận tải biển quốc tế;
- Các đơn vị đăng kiểm tàu biển.

Tình hình tàu biển Việt Nam bị tai nạn, sự cố và bị cướp biển, cướp có vũ trang tấn công từ Quý IV năm 2016 đến nay phát triển theo chiều hướng xấu. Số lượng và tỷ lệ tàu biển Việt Nam bị lưu giữ PSC trong năm 2016 và Quý I năm 2017 tăng nhiều so với năm 2014 và 2015. Cục Đăng kiểm Việt Nam đã có Văn bản số 411/ĐKVN-TB ngày 06/02/2017 về tăng cường công tác kiểm tra tàu biển hoạt động tuyến quốc tế nhằm giảm thiểu tàu biển Việt Nam bị lưu giữ PSC ở nước ngoài; Văn bản số 663/ĐKVN-VRQC ngày 22/02/2017 về tăng cường thực hiện kế hoạch an ninh tàu khi hành trình qua các khu vực có nguy cơ cướp biển; Văn bản số 913/ĐKVN-VRQC ngày 08/3/2017 về rà soát kế hoạch khai thác tàu liên quan đến khu vực có nguy cơ cướp biển cao và tăng cường các biện pháp phòng, chống cướp biển.

Căn cứ chỉ đạo của Bộ Giao thông vận tải và các góp ý tại các hội nghị về an toàn và an ninh tàu biển tổ chức trong tháng 03 năm 2017, Cục Đăng kiểm Việt Nam đã chỉnh sửa lại các mẫu Danh mục tổng kiểm tra (mẫu PSC.CL) và Báo cáo kiểm tra SMC (mẫu SMS.IR) nêu tại Văn bản số 411/ĐKVN-TB ngày 06/02/2017, để đảm bảo tính khả thi và thực hiện có hiệu quả của công tác kiểm tra tăng cường nhằm làm giảm thiểu tàu biển Việt Nam bị lưu giữ PSC ở nước ngoài; đồng thời bổ sung Báo cáo kiểm tra tăng cường thực hiện kế hoạch an ninh tàu biển SSP kèm theo Danh mục kiểm tra tăng cường phòng chống cướp biển/ cướp có vũ trang đối với tàu biển (mẫu ISPS.IR). Các mẫu PSC.CL, SMS.IR và ISPS.IR (phiên bản 04/2017) được đính kèm văn bản này.

Cục Đăng kiểm Việt Nam đề nghị các Quý Đơn vị:

1. Các đơn vị đăng kiểm:

a) Tiếp tục phối hợp với các công ty vận tải biển quốc tế thực hiện tốt việc kiểm tra tăng cường tàu biển hoạt động tuyến quốc tế nhằm làm giảm thiểu tàu biển Việt Nam bị lưu giữ PSC ở nước ngoài theo công văn số 411/ĐKVN-TB ngày 06/02/2017 (việc kiểm tra tăng cường này không cần thực hiện nếu tàu đã được kiểm tra tăng cường thỏa mãn trong thời gian 3 tháng tính từ ngày hoàn thành kiểm tra trước đó); và kiểm tra tăng cường thực hiện kế hoạch an ninh tàu biển liên quan đến việc phòng ngừa cướp biển, cướp có vũ trang nhằm vào tàu. Hướng dẫn các



đăng kiểm viên lập mẫu PSC.CL, SMS.IR và mẫu ISPS.IR (phiên bản 04/2017) tại các đợt kiểm tra liên quan từ ngày 10/4/2017.

b) Gửi báo cáo kiểm tra cho Cục Đăng kiểm Việt Nam: trong thời gian 24 giờ sau khi khảo sát lần đầu, đơn vị đăng kiểm lập và gửi báo cáo PSC.CL, SMS.IR và ISPS.IR về địa chỉ: [hainv@vr.org.vn](mailto:hainv@vr.org.vn); [bangph@vr.org.vn](mailto:bangph@vr.org.vn); [taubien@vr.org.vn](mailto:taubien@vr.org.vn); [vrqc@vr.org.vn](mailto:vrqc@vr.org.vn) và [truongpt@vr.org.vn](mailto:truongpt@vr.org.vn).

c) Sau khi hoàn thành kiểm tra và tất cả các khiếm khuyết có thể dẫn đến việc tàu bị lưu giữ đã được khắc phục triệt để, đơn vị đăng kiểm lập và cấp hồ sơ đăng kiểm theo quy định (bao gồm cả cấp/xác nhận các giấy chứng nhận liên quan nếu có) cho tàu hoạt động; mô tả việc khắc phục các khiếm khuyết liên quan trong mẫu GR.

2. Các công ty vận tải biển quốc tế thực hiện đầy đủ các nội dung liên quan đến phòng ngừa cướp biển và cướp có vũ trang nhằm vào tàu nêu trong Văn bản số 663/ĐKVN-VRQC ngày 22/02/2017 và Văn bản số 913/ĐKVN-VRQC ngày 08/3/2017.

3. Việc thực hiện các biện pháp làm giảm thiểu tàu biển bị lưu giữ PSC và duy trì đội tàu biển Việt Nam trong Danh sách trắng - xám của Tokyo-Mou, phòng ngừa các sự cố cướp biển, cướp có vũ trang đối với tàu biển là rất quan trọng và cấp thiết; các công ty vận tải biển quốc tế và các đơn vị đăng kiểm tàu biển có sự hợp tác chặt chẽ trong quá trình thực hiện kiểm tra tăng cường nêu trên.

Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo đến các Quý Đơn vị./.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các Cục trưởng (để b/c);
- Các phòng TB, QP, CN, VRQC (để t/h);
- Lưu VP, TB.



**Nguyễn Vũ Hải**





CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM  
VIETNAM REGISTER

**DANH MỤC TỔNG KIỂM TRA**  
*Inspection Checklist*

**Giảm nguy cơ tàu bị lưu giữ PSC**  
*Reducing the risk of PSC detentions*

Số báo cáo <i>Checklist No.</i>	Tên tàu <i>Ship's name</i>	Số IMO <i>IMO Number</i>	Kiểu tàu <i>Type of Ship</i>
Nơi kiểm tra <i>Place</i>	Ngày <i>Date</i>	Chủ tàu/ Công ty quản lý <i>Shipowner/ Company</i>	

Ghi chú  : Hạng mục phải chụp ảnh.

 : Hạng mục phải thử bằng búa

Điền cột kết quả: “X”: Thỏa mãn





“D”: Khiếm khuyết được phát hiện và khắc phục hoàn toàn







“R”: Đưa khuyến nghị trong mẫu RNI

















“-”: Không áp dụng












**DANH MỤC TỔNG KIỂM TRA**

1	Văn phòng tàu/ Buồng thuyền trưởng		Kết quả
	Hạng mục	Nội dung kiểm tra (Phương pháp thử)	
1.1	Giấy chứng nhận	Hiệu lực, nội dung	
1.2	Thông báo ổn định, hướng dẫn xếp tải	Bản chính có trên tàu	
1.3	File báo cáo kiểm tra (chỉ áp dụng cho ESP)	Báo cáo kiểm tra của VR. Báo cáo đo chiều dày. Chương trình kiểm tra	
1.4	SOPEP	Danh mục địa chỉ liên lạc được cập nhật. SOPEP được Chính quyền phê duyệt	
1.5	Nhật ký dầu/ nhật ký rác	Ghi chép chính xác (so sánh nhật ký đo kết và nhật ký dầu) Lượng cặn dư sau khi đốt (chuyển lên bờ/ giữ trên tàu)	
1.6	Kế hoạch quản lý rác	Có trên tàu	
1.7	LL.CD, SE.APA/SE.APB,	Có trên tàu Cập nhật các thay đổi, trang bị bổ sung...	
2	Buồng lái		Kết quả
	Hạng mục	Nội dung kiểm tra (Phương pháp thử)	
2.1	Hải đồ & Thông báo cho người đi biển	Hải đồ của cảng tới có trên tàu. Phiên bản mới nhất và các tu chỉnh nhỏ	







2.2	Ấn phẩm hàng hải	Danh mục đèn Lịch thủy triều Hướng dẫn hành hải (Sailing Direction) Tu chính nhỏ Sổ tay IAMSAR	
2.3	Nhật ký boong	Bản ghi huấn luyện (rời tàu/cứu hỏa/lái sự cố/ vào không gian kín...)	
2.4	Phao áo	Đèn, kẻ chữ, tình trạng bên ngoài, phê duyệt của CQHH	
2.5	La bàn từ chuẩn	Chiếu sáng, không có bọt, bằng độ lệch	
2.6	VHF, MF/HF	BQ/RQ test/ Nguồn dự phòng và báo cáo Hoạt động 	
2.7	EPIRB	Báo cáo thử Hạn thiết bị nhà thủy tĩnh Vị trí 	
2.8	AIS, Echo Sounder, VDR, GPS	Hoạt động tốt	
2.9	Báo động nước xâm nhập (nếu có)	Hoạt động Chỉ báo	
2.10	Đèn tín hiệu ban ngày	Hoạt động bằng nguồn sự cố Hoạt động tại cả 2 mạn Ắc quy di động và tối thiểu 3 bóng dự phòng (tàu đặt ký vào hoặc sau ngày 01.07.2002)	
2.11	Báo động và phát hiện cháy	Hoạt động Hoạt động bằng nguồn sự cố Báo động trong 2 phút Khoảng cách giữa các điểm báo cháy bằng tay	
2.12	Cảm biến cháy	Thử cảm biến Báo động ánh sáng/âm thanh Khoảng cách giữa các cảm biến	
2.13	Bảng đèn hàng hải	Thử báo động Đèn hoa tiêu Hoạt động bằng nguồn sự cố	
2.14	Đèn sự cố	Hoạt động Không có hư hỏng	
2.15	ECDIS	Thử hoạt động Phiên bản hải đồ điện tử	
2.16	Lịch trực ca	Lịch trực ca và quy trình được lập và treo trên buồng lái	
3	<b>Cánh gà lầu lái</b>		<b>Kết quả</b>
	<b>Hạng mục</b>	<b>Nội dung kiểm tra (Phương pháp thử)</b>	
3.1	Phao thả nhanh	Đèn tự sáng Ngày hết hạn Kiểu bố trí (kiểm tra việc thả có rơi được xuống nước ?) 	
3.2	Đèn hàng hải	Sơn đen Góc chiếu sáng Không hư hỏng, đèn bị bám sơn bẩn  Dây dẫn điện không bị lão hóa (hardened, cracked), mắt thanh đỡ, giá đỡ	





4	Bên ngoài thượng tầng		Kết quả
	Hạng mục	Nội dung kiểm tra (Phương pháp thử)	
4.1	Buồng áp quy	Ấc quy dự phòng cho GMDSS  Trang bị nạp Cáp nối Đèn phòng nổ Thông hơi, thông gió	
4.2	Buồng máy phát sự cố	Hoạt động  Đồng hồ đo Van cách ly từ kết nhiên liệu Lượng nhiên liệu (18 giờ hoạt động) Thử mất điện toàn tàu (blackout test) Bọc chống cháy Thông hơi (mạn khô)	
4.3	Thông gió buồng máy và chặn lửa ống khói	Hoạt động của cánh chặn lửa/ mơn rì  Bảo dưỡng, lưu ý tiêu chuẩn khe hở của nhà sản xuất (dựa trên cơ sở khe hở khi chế tạo là 3-4 mm) Kiểm tra bằng mắt cánh chặn lửa Rò rỉ đường khí nén điều khiển đóng cánh chặn lửa Mọt, thùng  Các symbol	
4.4	Kho sơn	Bố trí chữa cháy, nếu chữa cháy bằng nước Vị trí đặt bình chữa cháy Lỗ xả khí chữa cháy	
5	Phương tiện cứu sinh và bố trí hạ		Kết quả
	Hạng mục	Nội dung kiểm tra (Phương pháp thử)	
5.1	Bè cứu sinh tự thổi	Thiết bị nhà thủy tĩnh (HRU) Khả năng di chuyển (nếu áp dụng) 1 HRU cho mỗi bè ( tàu đặt ký vào hoặc sau 01.07.1998) Cách thức liên kết (weak link, painter..) 	
5.2	Kiểm tra hàng năm do cơ sở bảo dưỡng thực hiện	Chứng chỉ của kỹ thuật viên Báo cáo không còn khuyến nghị	
6	Bên trong thượng tầng		Kết quả
	Hạng mục	Nội dung kiểm tra (Phương pháp thử)	
6.1	Cửa tự đóng	Không có móc giữ Hoạt động	
6.2	Bọc cách nhiệt	Không mất/ thiếu/ boong tróc	
6.3	Hệ thống chữa cháy cố định bằng CO <sub>2</sub>	Lượng công chất trong bình Ngày thử áp lực  Thuyền viên thông thạo thao tác Bọc cách nhiệt buồng CO <sub>2</sub> . Chiều cao bên trong, bên ngoài của ống thông hơi buồng CO <sub>2</sub> Vị trí chốt an toàn theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất Các đường ống dẫn, hư hỏng, biến dạng	
6.4	Cảm biến cháy	Thử cảm biến Báo động âm thanh/ ánh sáng Số lượng cảm biến	


6.5	Van cách ly	Vị trí Bộ phận chuyển động Đánh dấu vị trí đóng mở	
6.6	Bộ đồ người chữa cháy	Cát giữ riêng biệt Hạn và trọng lượng bình khí nén (cả bình dự trữ) Hoạt động Phụ kiện/ đèn Thuyền viên thông thạo cách mặc bộ đồ chữa cháy	
<b>7</b>	<b>Boong chính và khoang hàng (tàu hàng tổng hợp và tàu hàng rời)</b>		<b>Kết quả</b>
	<b>Hạng mục</b>	<b>Nội dung kiểm tra (Phương pháp thử)</b>	
7.1	Bích nối bờ quốc tế	Duy trì các hạng mục yêu cầu	
7.2	Thông gió	Hoạt động của cánh chặn lửa/ mòn rỉ Ống thông gió, nắp đậy   Đặc biệt lưu ý kiểm tra tình trạng tất cả các cánh chặn lửa và thông gió khoang hàng tàu Ro-Ro Các ký hiệu có liên quan	
7.3	Thông hơi	Ống thông hơi (mòn rỉ / thùng)   Bóng nổi Chiều cao	
7.4	Đường ống nước chữa cháy	Thùng/rò rỉ Mòn rỉ  Chuyển động của van Đắp vá	
7.5	Súng phun bột và van (nếu có)	Hoạt động của các bộ phận chuyển động Thử phun nước	
7.6	Boong chính	Mòn rỉ/ thùng/ nứt  Tình trạng sơn Biến dạng, lỗi lõm Mất ổn định tầm	
7.7	Lỗ xuống không gian bên dưới	Kín thời tiết  Cơ cấu đóng Mòn rỉ/ thùng 	
7.8	Nắp khoang hàng	Mòn rỉ/ thùng  Thiết bị làm kín  Kín thời tiết (thử vòi rồng)	
7.9	Miệng quây khoang hàng, mã, nẹp	Mòn rỉ/ thùng/ nứt  Nứt “Đắp xi măng, dán băng dính”	
7.10	Mạn chắn sóng và lan can	Mòn rỉ/ thùng  Nứt, cong, vênh, biến dạng Không đủ chiều cao, thiếu mã chống 	
7.11	Cơ cấu giữ nắp khoang hàng	Mòn rỉ/ thùng  Khe hở	
7.12	Đường ống cứu hỏa cố định CO <sub>2</sub>	Mòn rỉ/ thùng  Nứt	
7.13	Các khoang hàng – Kiểm tra trạng thái	Mòn rỉ/ thùng  (chú ý mặt dưới boong giữa 2 khoang hàng) Rò rỉ	

	chung	Sửa chữa tạm thời bởi thuyền viên (hàn lại hoặc tấm ốp) Tấm boong tại góc miệng khoang hàng	
7.14	Các lỗ thoát nước của miệng quây hầm hàng (Drain pipe)	Không kín, mất, hỏng van một chiều	
7.15	Các lỗ thoát nước mặt boong	Kẹt do các vật cản rơi vào	
7.16	Đường ống thủy lực trên tất cả các boong	Rò dầu Thiếu mất các tai đỡ	
7.17	Các hộp đi dây điện trên boong	Mòn rỉ Thùng...	
7.18	Các khay hứng dầu trên boong	Thùng  Thiếu bu lông/chốt lỗ xả	
<b>8</b>	<b>Boong dăng mũi</b>		<b>Kết quả</b>
	<b>Hạng mục</b>	<b>Nội dung kiểm tra (Phương pháp thử)</b>	
8.1	Thông gió	Hoạt động của cánh chặn lửa/ mòn rỉ  Ống thông gió, nắp đậy  Các ký hiệu có liên quan	
8.2	Thông hơi	Ống thông hơi (rò rỉ)   Bóng nổi Chiều cao Nứt, thùng. Không thỏa mãn tính kín nước	
8.3	Lỗ xuống không gian bên dưới	Kín thời tiết  Cơ cấu đóng Mòn rỉ/ thùng  Thiết bị làm kín Tay vịn, lan can, bậc để chân (mòn, rỉ, thiếu, mất...)	
8.4	Đèn hàng hải	Góc chiếu sáng Không hư hỏng Dây dẫn điện không bị lão hóa (hardened, cracked), mất thanh đỡ, giá đỡ	
8.5	Bộ cửa tời neo/tời dây	Mòn rỉ/thùng  Hệ thống hãm/phanh Tình trạng của trống cuộn dây Khay hứng dầu, lỗ thoát	
8.6	Hệ thống hút khô các khoang mũi (nếu có)	Hệ thống kiểm soát từ xa Thử hoạt động cảm biến	
<b>9</b>	<b>Kho mũi</b>		<b>Kết quả</b>
	<b>Hạng mục</b>	<b>Nội dung kiểm tra (Phương pháp thử)</b>	
9.1	Ống dẫn xích và ống thông hơi của F.P.T	Mòn rỉ/thùng (dấu vết rò rỉ)  (Lưu ý chân ống)	
9.2	Tôn vách hầm xích	Mòn rỉ/thùng 	
9.3	Boong dăng mũi/cửa kín thời tiết/ tôn sàn, vách	Không có ánh sáng lọt từ ngoài vào Cửa đảm bảo kín thời tiết 	
9.4	Phao áo	Đèn Tên tàu, cảng đăng ký Tình trạng của áo Duyệt bởi Chính quyền Nếu là loại mặc cùng với quần áo bơi thì phải kiểm soát số lượng	



9.5	Quần áo bơi cách nhiệt	Hình thức, mục thùng, ký hiệu Khả năng sử dụng (mặc) của thuyền viên	
10	<b>Boong dằng đuôi</b>		<b>Kết quả</b>
	<b>Hạng mục</b>	<b>Nội dung kiểm tra (Phương pháp thử)</b>	
10.1	Đèn hàng hải (gồm cả đèn neo đuôi)	Góc chiếu sáng Không hư hỏng Dây dẫn điện không bị lão hóa (hardened, cracked), mắt thanh đỡ, giá đỡ	
10.2	Thông hơi	Ống thông hơi (dấu vết rò rỉ)   Bóng nổi Chiều cao Nứt, thủng. Không thỏa mãn tính kín nước	
10.3	Lỗ xuống không gian bên dưới	Tính kín thời tiết  Thiết bị đóng Mòn rỉ/thủng  Thiết bị làm kín Tay vịn, lan can, bậc để chân (mòn, rỉ, thiếu, mất...)	
11	<b>Buồng máy lái &amp; Buồng bơm cứu hỏa sự cố</b>		<b>Kết quả</b>
	<b>Hạng mục</b>	<b>Nội dung kiểm tra (Phương pháp thử)</b>	
11.1	Đèn chiếu sáng sự cố	Thử hoạt động Không hư hỏng	
11.2	Máy lái	Hệ thống hút khô buồng máy lái Két dầu L.O & báo động bơm dầu thủy lực Máy lái sự cố  Vệ sinh buồng máy lái Chân các ống thông hơi đi qua buồng máy lái	
11.3	Bơm cứu hỏa sự cố	Khởi động (vài lần nếu có thể, hướng dẫn khi khởi động bơm tại chiều chìm thấp. Thử cả chức năng tự hút và bơm chân không) Áp suất hút  Hai vị trí vòi rồng (mũi, lều lái) Bảo vệ đường ống hút hoặc đường ống đẩy xuyên qua buồng máy Tình trạng đường ống khí xả Sàn buồng bơm động nước Rò nước ở đầu bơm Loại bỏ đường ống môi trên đường ống hút, van một chiều (nếu có)	
12	<b>Buồng máy</b>		<b>Kết quả</b>
	<b>Hạng mục</b>	<b>Nội dung kiểm tra (Phương pháp thử)</b>	
12.1	Cảm biến cháy	Thử cảm biến Báo động âm thanh/ánh sáng	
12.2	Bình cứu hỏa xách tay	Ngày nạp công chất Thử chức năng (mẫu) Ngày thử áp lực Vị trí bố trí so với Sơ đồ kiểm soát cháy (Fire Control Plan)	
12.3	Bình cứu hỏa di động	Ngày nạp công chất Thử chức năng (mẫu) Ngày thử áp lực Vị trí bố trí so với Sơ đồ phòng chống cháy (Fire Control Plan) Chiều dài vòi phun (hose)	

12.4	Lối thoát hiểm sự cố	Tình trạng bọc cách nhiệt  Cửa tự đóng Đèn chiếu sáng sự cố Luôn được chiếu sáng bằng nguồn điện chính (Đối với tàu hay vào Trung Quốc, cần lưu ý thêm dây bám) Lưu ý khoảng rộng 800x800 Lưu ý cách nhiệt ở sàn lối thoát	
12.5	Đèn chiếu sáng sự cố	Thử hoạt động Không hư hỏng Thử mất nguồn điện chính, tự động nhảy sang nguồn sự cố	
12.6	Đóng nhanh/ Ngắt van	Tình trạng hoạt động  Có sự cố kẹt không Cần lưu ý số lượng van đóng nhanh	
12.7	Cách nhiệt	Không bị mất  Không bị hỏng/ thiếu (Cách nhiệt: khu vực có nhiệt độ cao, đường ống dầu nhiên liệu và mối nối, ống hơi) Sửa chữa/thay thế khu vực được sửa chữa tạm thời (như xi măng, chằng buộc tạm thời)	
12.8	Ống lồng của dầu cao áp	Không hư hỏng Báo động dầu rò	
12.9	Thiết bị lọc dầu	Báo động 15ppm Tự động dừng Vệ sinh bên trong đường ống thoát (cleaning outlet pipe inside) Thiết bị lọc và tình trạng bên trong Sử dụng thiết bị lọc của nhà sản xuất & thiết bị lọc dự phòng Sự thông thạo của thuyền viên đối với thiết bị (thử hoạt động và thử báo động) Đóng van xả mạn Bích nối tiêu chuẩn (kích thước bích) Treo hướng dẫn sử dụng Loại bỏ các ống mềm (nếu có)	
12.10	Đường ống xả trực tiếp nước la canh lẫn dầu	Phải tháo bỏ nếu có	
12.11	Sàn buồng máy (Sạch sẽ)	Lượng nước la canh Phải chuyển lên bờ nếu nhiều Rò nước/dầu đối với máy chính/máy phụ  Không có chất cặn thừa và giẻ dầu Không có dầu rò từ các két dầu nhiên liệu (Xác nhận lỗ xả đáy)	
12.12	Thiết bị xử lý nước thải	Báo động mức Hoạt động bơm Sự thông thạo của thuyền viên đối với thiết bị (thử hoạt động và thử báo động) Ống thông hơi và đường tuần hoàn Xác nhận bản tính toán xả thải Bích nối tiêu chuẩn (kích thước bích) Loại bỏ tất cả các loại ống mềm	

13	Không gian khác		Kết quả
	Hạng mục	Nội dung kiểm tra (Phương pháp thử)	
13.1	Kho sơn	Bình cứu hỏa Đèn phòng nổ Thông gió Sơn đặt tại khu vực quy định Bố trí chữa cháy, nếu chữa cháy bằng nước  Vị trí đặt bình chữa cháy Lỗ xả khí chữa cháy	
14	ISM, ISPS	<b>Báo cáo và danh mục SMS của VRQC</b>	

**Đăng kiểm viên/ Surveyor**  
*(Ký tên, đóng dấu/ Signature and stamp)*

-----

Tên tàu: ..... Số IMO: ..... Ngày: .....

**Ảnh chụp đính kèm**




**CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**  
VIETNAM REGISTER

**BÁO CÁO KIỂM TRA SMS**  
*SMS Inspection Report*

Số báo cáo/Report No.: .....

Tên ĐKV/Surveyor Name: ..... Đơn vị/Unit: .....

ĐT/Tel: ..... Email: .....

Nơi kiểm tra/Place of inspection: ..... Ngày kiểm tra/Date of inspection: .....

**1. Thông tin chung/ General information**

Tên tàu Ship's name	Số IMO IMO Number	Quốc tịch Flag	Chi tiết về Công ty* Company's Details
			<b>Tên/Name:</b> <b>Số IMO Công ty/IMO Company No.:</b> <b>Địa chỉ/Address:</b>

Ghi chú/ Note: \* ghi theo DOC-SMC/ as appeared on DOC-SMC

Số SMC SMC No.	Ngày cấp Date of issue	Cấp bởi Issued by	Số DOC DOC No.	Ngày cấp Date of issue	Cấp bởi Issued by
<b>Ngày đánh giá SMC gần nhất/Last date of SMC audit:</b>					

**2. Kết quả kiểm tra/Inspection Result:**

- Không có khiếm khuyết/no deficiency found
- Có khiếm khuyết không nghiêm trọng (xem Checklist)/non-critical deficiency found (see Checklist attached)
- Có khiếm khuyết nghiêm trọng (xem mô tả dưới đây)/critical deficiency found (see description below)

**3. Phân loại khiếm khuyết nghiêm trọng/Category of Critical Deficiency:**

Kỹ thuật/ Technical	Hoạt động/ Operational	Tài liệu/ Documentation	Khác/ Other
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**4. Mô tả chi tiết khiếm khuyết nghiêm trọng/Details of Critical Deficiency:**

**5. Báo cáo này cùng với Danh mục kiểm tra kèm theo được gửi cho/ This Report with attached Checklist is to be sent to:**

<b>Đại diện công ty hoặc thuyền trưởng/Company Representative or Master</b>	<input type="checkbox"/>
<b>ĐKTW</b> ( <a href="mailto:hainv@vr.org.vn">hainv@vr.org.vn</a> ; <a href="mailto:vrqc@vr.org.vn">vrqc@vr.org.vn</a> ; <a href="mailto:taubien@vr.org.vn">taubien@vr.org.vn</a> ; <a href="mailto:truongpt@vr.org.vn">truongpt@vr.org.vn</a> ; <a href="mailto:bangph@vr.org.vn">bangph@vr.org.vn</a> ; fax: 04.37684720/ 37684722)	<input type="checkbox"/>

**6. Đăng kiểm viên /Reporting Surveyor:**  
(Ký, đóng dấu/Signature & Stamp)



**Hướng dẫn thực hiện:****1. Mục đích yêu cầu**

Mục đích của báo cáo này nhằm đảm bảo rằng các khiếm khuyết nghiêm trọng có thể do việc thực thi cũng như duy trì hệ thống quản lý an toàn của tàu thiếu hiệu lực hiệu quả bởi Đăng kiểm viện (surveyor) phát hiện trong quá trình thực hiện kiểm tra tàu phải được báo cáo về VRQC để xem xét việc đánh giá bổ sung tàu cũng như công ty quản lý tàu đó nếu cần thiết .

**2. Định nghĩa và giải thích**

- 2.1 Bộ luật quản lý an toàn quốc tế (ISM Code) : nghĩa là Bộ luật quản lý quốc tế để khai thác tàu an toàn và ngăn ngừa ô nhiễm biển.
- 2.2 Giấy chứng nhận phù hợp (DOC) : nghĩa là là GCN cấp cho Công ty tuân thủ với các yêu cầu của Bộ luật
- 2.3 Giấy chứng nhận quản lý an toàn (SMC) : nghĩa là GCN cấp cho tàu khẳng định hoạt động quản lý của Công ty và tàu tuân thủ với hệ thống quản lý an toàn đã duyệt
- 2.4 Hệ thống quản lý an toàn (SMS) : nghĩa là hệ thống có cấu trúc và được lập thành văn bản cho phép những người trong công ty thực hiện một cách có hiệu lực chính sách an toàn và bảo vệ môi trường của Công ty.
- 2.5 Khiếm khuyết (Deficiency) : nghĩa là các lỗi hoặc hư hỏng liên quan đến hoạt động của tàu , kết cấu , thiết bị , máy móc và các lỗi liên quan đến hồ sơ giấy tờ của tàu có thể có nguyên nhân từ việc thực thi và duy trì hệ thống quản lý an toàn tàu thiếu hiệu lực hiệu quả.
- 2.6 Khiếm khuyết nghiêm trọng (Critical Deficiency):
  - Các khiếm khuyết liên quan đến điều kiện **kỹ thuật** mà có thể dẫn đến phải giới hạn , đình chỉ hoặc rút các GCN cấp tàu hoặc công ước liên quan.
  - Các khiếm khuyết nguyên nhân do sai sót trong **hoạt động** (khai thác tàu) tàu gây ra .
  - Các khiếm khuyết do sai sót trong **hồ sơ** và **báo cáo** của tàu .
  - Các khiếm khuyết khác mà có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến an toàn của tàu , người hoặc môi trường .
- 2.7 Bảng chứng khách quan : nghĩa là các thông tin , hồ sơ hoặc những sự việc thực tế mang tính định tính hoặc định lượng liên quan đến an toàn hoặc sự tồn tại và việc thực hiện một yếu tố của hệ thống quản lý an toàn . Bảng chứng khách quan có được dựa trên việc quan sát , đo đạc hoặc thử nghiệm và có thể kiểm tra xác nhận được.

**3. Qui trình thực hiện**

Khi kiểm tra chu kỳ hoặc bất thường phân cấp/theo luật, trong quá trình thực hiện kiểm tra tàu (quá trình kiểm tra khảo sát) nếu ĐKV phát hiện các **khiếm khuyết nghiêm trọng** ( như nêu trong mục 2.6) thì phải lập báo cáo này cùng với Danh mục kiểm tra SMS ( được tích vào mục tương ứng với nội dung kiểm khuyết ) gửi về Đăng kiểm trung ương và thông báo việc báo cáo này cho Thuyền trưởng hoặc đại diện của Công ty quản lý tàu. Nội dung chi tiết phải được mô tả cụ thể trong mục 4 và bảng chứng khách quan (bao gồm bảng hình ảnh hoặc hồ sơ) của các khiếm khuyết phải được gửi kèm theo báo cáo .

-ĐKV phải có trách nhiệm thông báo việc báo cáo này cho Thuyền trưởng hoặc đại diện của Công ty quản lý tàu ghi trong mục 1 của báo cáo .

- Các khiếm khuyết không cần báo cáo khi :

+ Chúng được coi là các hao mòn tự nhiên bình thường dựa trên tuổi và loại tàu .

+ Có bằng chứng các khiếm khuyết này đang được xử lý triệt để bởi công ty bao gồm cả những người làm việc trên tàu .



# CHECKLIST

## DANH MỤC KIỂM TRA

Tên tàu: \_\_\_\_\_ Số IMO: \_\_\_\_\_ Ngày: \_\_\_\_\_

Kiểm tra	1. Tài liệu	Ghi chú
<input type="checkbox"/>	1.1 Các GCN phân cấp hoặc theo luật hết hạn hoặc không được xác nhận theo quy định.	
<input type="checkbox"/>	1.2 Quá hạn các loại hình kiểm tra, đánh giá, kiểm tra tình trạng phân cấp.	
<input type="checkbox"/>	1.3 Bản sao DOC không còn hiệu lực hoặc không liên quan tới loại tàu.	
<input type="checkbox"/>	1.4 Bản gốc SMC sai thông số hoặc mất phần xác nhận.	
<input type="checkbox"/>	1.5 Các kế hoạch đối phó khẩn cấp và các phần liên quan tới sổ tay SOPEP không có trên tàu (chi tiết liên lạc được cập nhật và phù hợp với tên và địa chỉ công ty ghi trên DOC/ SMC)	
<input type="checkbox"/>	1.6 Các cuộc thực tập không được thực tập và không ghi chép vào nhật ký theo các quy định bắt buộc.	
<input type="checkbox"/>	1.7 Không ghi hoặc ghi không đúng vào nhật ký dầu.	
<input type="checkbox"/>	1.8 Không cập nhật sơ đồ kiểm soát cháy.	
Kiểm tra	2. Hoạt động tàu	Ghi chú
<input type="checkbox"/>	2.1 Các tai nạn hoặc sự cố nghiêm trọng của tàu đã không được báo cáo về công ty.	
<input type="checkbox"/>	2.2 Thuyền viên không có khả năng thực hiện các tác nghiệp theo yêu cầu như khởi động bơm cứu hỏa, khởi động máy phát sự cố, khởi động máy xuống cứu	
<input type="checkbox"/>	2.3 Thuyền viên không có khả năng trao đổi thông tin một cách có hiệu quả trong khi thực hiện các nhiệm vụ.	
<input type="checkbox"/>	2.4 Thuyền viên không có khả năng thực hiện một cách thỏa đáng các loại thực tập bắt buộc như thực tập cứu hỏa, thực tập trang thiết bị cứu sinh, thực tập chống ô	
Kiểm tra	3. Kỹ thuật	Ghi chú
<input type="checkbox"/>	3.1 Kết hợp các khiếm khuyết cùng với nhau chỉ ra rằng hệ thống bảo dưỡng không có hiệu lực thực hiện.	
<input type="checkbox"/>	3.2 Tình trạng kém của vỏ tàu, mặt boong chính, các thiết bị đóng, tay vịn, thang	
<input type="checkbox"/>	3.3 Hư hỏng / mất các trang thiết bị cứu sinh, cứu hỏa, chống ô nhiễm.	
<input type="checkbox"/>	3.4 Rò rỉ dầu trong buồng máy, buồng bơm ...	
Kiểm tra	4. Các nội dung khác	Ghi chú
<input type="checkbox"/>	4.1 Định biên trên tàu không tuân thủ GCN định biên an toàn tối thiểu/không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ an ninh trong SSP/không đáp ứng quy định giờ làm việc- nghỉ ngơi trên tàu.	
<input type="checkbox"/>	4.2 Thuyền trưởng, các sỹ quan không được chứng nhận phù hợp với các yêu cầu của STCW.	
<input type="checkbox"/>	4.3 Các khiếm khuyết nghiêm trọng trong việc bảo dưỡng bếp, khu vực sinh hoạt của thuyền viên và các kho thực phẩm.	
<input type="checkbox"/>	4.4 Các khiếm khuyết khác:	





**BÁO CÁO KIỂM TRA TĂNG CƯỜNG  
THỰC HIỆN KẾ HOẠCH AN NINH TÀU BIỂN (SSP)  
SSP Concentrated Inspection Report**

Surveyor/Đăng kiểm viên: ..... Department/ Bộ phận: .....  
Mobile/ ĐT: ..... Email: .....  
Place of inspection/ Nơi kiểm tra: ..... Date of inspection/ Ngày kiểm tra: .....

**1. Thông tin chung/ General information**

Ship's name Tên tàu	IMO Number Số IMO	Flag Quốc tịch	Company Tên Công ty
			Name*:  IMO No.: Address*:

Ghi chú/ Note: \* ghi theo DOC-SMC/ corresponding with DOC-SMC

ISSC No. Số ISSC	Date of issue Ngày cấp	Issued by Cấp bởi	Date of SSP Approval Ngày duyệt SSP	Date of last SSP update Ngày cập nhật SSP gần nhất	Approval Letter No. Chứng thư phê duyệt số

Last date of ISSC audit/Ngày đánh giá ISSC gần nhất:

**2. Category of Critical Deficiency/ Phân loại khiếm khuyết nghiêm trọng:**

Hoạt động/ Operational	Tài liệu/ Documentation	Khác/ Other
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**3. Details of Critical Deficiency/ Mô tả chi tiết:**

---

---

---

---

**4. The Reported has been informed to/ Báo cáo này đã được thông báo cho:**

Company Representative or Master/ Đại diện công ty hoặc Thuyền trưởng	<input type="checkbox"/>
ĐKTW ( <a href="mailto:hainv@vr.org.vn">hainv@vr.org.vn</a> ; <a href="mailto:vrqc@vr.org.vn">vrqc@vr.org.vn</a> ; <a href="mailto:taubien@vr.org.vn">taubien@vr.org.vn</a> ; <a href="mailto:truongpt@vr.org.vn">truongpt@vr.org.vn</a> ; <a href="mailto:bangph@vr.org.vn">bangph@vr.org.vn</a> ; fax: 04.37684720/ 37684722)	<input type="checkbox"/>
	<input type="checkbox"/>

5. Reported by/ Người báo cáo: .....

Date/ Ngày: .....

Signature & Stamp/ Ký, đóng dấu:

## CHECKLIST

## DANH MỤC KIỂM TRA TĂNG CƯỜNG PHÒNG, CHỐNG CƯỚP BIỂN/CƯỚP CỐ VŨ TRANG ĐỐI VỚI TÀU BIỂN

Tên tàu: ..... Số IMO: ..... Ngày: .....

Nội dung	Ví dụ cách thức kiểm tra/bằng chứng	Kiểm tra
Tàu có thuộc nhóm nguy cơ cao (dễ bị tổn hại)?	VD: Tàu nhỏ <5000DWT, mạn khô thấp, tốc độ chậm, tàu chở dầu, tàu lai dặt ....	<input type="checkbox"/>
Tàu đã hành trình trong khu vực có nguy cơ cướp biển/cướp cố vũ trang cao (biển Sulu-Celebes Đông Sabah và eo biển Malacca) hoặc có kế hoạch khai thác hay dự kiến đi qua khu vực có nguy cơ cướp biển/cướp cố vũ trang cao đã được cảnh báo?	VD: Thông báo, điện chỉ đạo của công ty, hợp đồng chở hàng, kế hoạch khai thác, kế hoạch chuyến đi, nhật ký, hải đồ, phỏng vấn sĩ quan thuyền viên; ....	<input type="checkbox"/>
Tàu đã được thông báo về khu vực có nguy cơ cướp biển/cướp cố vũ trang cao (biển Sulu-Celebes Đông Sabah và eo biển Malacca); Giám đốc, Người phụ trách an ninh công ty CSO, Thuyền trưởng và Sĩ quan an ninh tàu SSO nắm được nguy cơ và xác định được vùng biển có nguy cơ cao?	VD: Thông báo, điện chỉ đạo của công ty, các tài liệu, văn bản, tờ rơi tuyên truyền, hướng dẫn của Cục ĐKVN (văn bản 5822/ĐKVN; 663/ĐKVN-VRQC; 913/ĐKVN-VRQC...); Gọi điện trao đổi với Giám đốc, CSO; phỏng vấn Thuyền trưởng và Sĩ quan an ninh tàu SSO; ...	<input type="checkbox"/>
Kế hoạch an ninh tàu biển đã được cập nhật và thẩm định, phê duyệt bổ sung về nội dung tăng cường phòng, chống cướp biển/cướp cố vũ trang (biển Sulu-Celebes Đông Sabah và eo biển Malacca)?	VD: - quy trình phòng, chống cướp biển/cướp cố vũ trang (biển Sulu-Celebes Đông Sabah và eo biển Malacca) đã được cập nhật theo khuyến cáo của Cục ĐKVN (văn bản 5822/ĐKVN; 663/ĐKVN-VRQC; 913/ĐKVN-VRQC...) và các hướng dẫn liên quan của IMO, ReCAAP; <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh mục các thiết bị và bố trí an ninh đã được bổ sung các thiết bị chống xâm nhập, hạn chế tiếp cận tàu và các thiết bị cần thiết khác (dụng cụ, thiết bị quan sát, cảnh giới, liên lạc, báo động, chống xâm nhập, chiếu sáng, cứu hỏa...);</li> <li>- Định biên thích hợp và phân công nhiệm vụ tăng cường cảnh giới khi qua khu vực có nguy cơ cao;</li> <li>- Các biện pháp bổ sung trên đã báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét phê duyệt.</li> </ul>	<input type="checkbox"/>
Các hướng dẫn, tài liệu tham khảo có trên tàu?	VD: BMP4; Hướng dẫn của ReCAAP về phòng chống cướp biển và cướp cố vũ trang trong khu vực Châu Á; Các thông tri hướng dẫn của IMO: MSC.1/Circ.1333 rev.1; MSC.1/Circ.1334; ...	<input type="checkbox"/>
Danh sách liên lạc khẩn cấp được cập nhật các địa chỉ cơ quan chức năng về an ninh hàng hải của khu vực và của Việt Nam?	VD: Hướng dẫn của ReCAAP về phòng chống cướp biển và cướp cố vũ trang trong khu vực Châu Á: Philippine Coast Guard (PCG) District Southwestern Mindanao Operation Center; Navy-Littoral Monitoring Station (LMS) Bongao, TawiTawi; Eastern Sabah Security Command (ESSCOM); Trung tâm phối hợp cứu hộ biển (MRCC) và Trung tâm hoạt động biển (MMEA) của Malaysia...	<input type="checkbox"/>



Trang thiết bị và bố trí sẵn sàng, phù hợp? Các biện pháp để giảm thiểu xung đột với an toàn của tàu và thuyền viên?	VD: Có sẵn và đủ trên tàu dây thép gai, hàng rào và cơ cấu để gắn cho lớp ngoài quanh tàu và lớp trong khu vực ca bin, thượng tầng boong; Có đủ ống nhòm (kể cả nhòm ban đêm); Có đủ song sắt bảo vệ cửa sổ buồng lái và các buồng khu vực cabin mà người chui lọt cùng với cơ cấu chờ để lắp đặt và tháo dỡ từ phía trong; Có gia cường các cửa ra vào, các lối lên xuống thượng tầng boong bằng chốt trong an toàn hoặc cửa song sắt kiên cố có khóa; Các thiết bị liên lạc buồng lái, báo động sẵn sàng; Hình nộm tại một số vị trí nhạy cảm; Thiết bị chiếu sáng bổ sung và trang thiết bị rồng, bơm cứu hỏa sẵn sàng. <u>Chú ý:</u> chỉ gắn, lắp đặt thiết bị trước khi qua khu vực có nguy cơ cao, và tháo dỡ ngay sau khi qua khu vực có nguy cơ cao để giảm thiểu cản trở an toàn thoát hiểm của tàu.	<input type="checkbox"/>
Phổ biến nguy cơ cơ cướp biển/cướp có vũ trang cao (biển Sulu-Celebes Đông Sabah và eo biển Malacca) và các biện pháp phòng, chống theo quy trình trong Kế hoạch an ninh tàu biển cho tất cả thuyền viên?	VD: Hồ sơ, nhật ký họp phổ biến cho thuyền viên; Phòng vấn thuyền viên lựa chọn ngẫu nhiên.	<input type="checkbox"/>
Tổ chức huấn luyện, thực tập cho thuyền viên về các biện pháp phòng, chống cướp biển/cướp có vũ trang?	VD: Kế hoạch, hồ sơ, nhật ký thực tập ứng phó sự cố cướp biển tấn công tàu; Phòng vấn thuyền viên lựa chọn ngẫu nhiên hoặc yêu cầu thực tập để chứng kiến.	<input type="checkbox"/>
Tàu có bố trí khu vực trú ẩn (nếu thích hợp)?	VD: khu vực an toàn, kiên cố, có thể khóa và mở để thoát hiểm từ bên trong, đủ cho thuyền bộ trú ẩn trong thời gian chờ ứng cứu với lương khô, nước uống, thông gió, liên lạc vệ tinh với an-ten ra ngoài, danh sách liên lạc khẩn cấp, điện thoại di động, dụng cụ vệ sinh cá nhân đủ cho ít nhất 72h.	<input type="checkbox"/>
<b>Kết luận</b> ..... ..... ..... ..... ..... ..... ..... .....		

**Đăng kiểm viên**  
(Ký tên, đóng dấu)

-----